

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

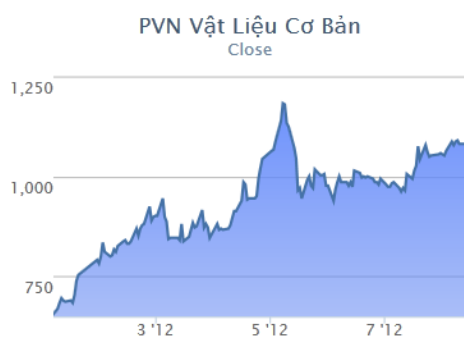


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	796.18	↑ 2.77	↑ 0.35
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	686.18	↑ 2.06	↑ 0.3
PVN ALLSHARE	668.17	↑ 1.85	↑ 0.28
PVN ALLSHARE HNX	569.41	↑ 2.33	↑ 0.41
PVN ALLSHARE HSX	719.23	↑ 2.06	↑ 0.29
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1084.06	↑ 2.9	↑ 0.27
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	852.11	↑ 7.04	↑ 0.83
PVN Tài Chính	600.15	↑ 3.61	↑ 0.61
PVN Công Nghiệp	477.6	↑ 5.29	↑ 1.12
PVN Dầu Khí	636.24	↑ 1.28	↑ 0.2
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	756.31	↑ 3.72	↑ 0.49

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	429.27 ↑	3.10	0.73%
KLGD (triệu ck)	50.53 ↑	20.69	69.36%
GTGD (tỷ đồng)	1,002.90 ↑	552.14	122.49%
Tổng cung (triệu ck)	138.43 ↑	24.90	21.93%
Tổng cầu (triệu ck)	154.63 ↑	33.11	27.25%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.74 ↑	3.48	274.08%
KL bán (triệu ck)	3.35 ↑	2.80	510.23%
Giá trị mua (tỷ đồng)	279.25 ↑	248.67	813.30%
Giá trị bán (tỷ đồng)	262.23 ↑	248.46	1804.31%

Nhận định thị trường:

Kinh tế thế giới:

- Theo công bố của Ngân hàng Trung ương Ý, nợ công của nước này tính đến cuối tháng 6/2012 tăng 6.6 tỷ EUR lên 1,973 tỷ EUR. Hiện lợi suất trái phiếu Chính phủ Ý duy trì sát mức 6% (mức rất cao) bất chấp các biện pháp cắt giảm chi tiêu khắc nghiệt. Thâm hụt ngân sách nửa đầu năm ở mức 47.7 tỷ EUR, cao hơn 1.1 tỷ EUR so cùng kỳ 2011.
- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đến thời điểm hiện tại vẫn chưa đưa ra bất cứ biện pháp kích thích kinh tế nào mới. Bản báo cáo việc làm tháng 7 của Mỹ cho thấy nền kinh tế tạo ra số lượng việc làm nhiều hơn dự báo tiếp tục làm giảm kỳ vọng về việc Fed sẽ tiến hành đợt mua tài sản thứ 3.

Diễn biến đáng chú ý trong nước:

- Đánh giá tích cực về độ ổn định của vĩ mô mà cụ thể là lạm phát, dự trữ ngoại hối và tỷ giá... tuy nhiên HSBC và ANZ lại cho rằng, nợ xấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng đang là vấn đề đáng quan ngại của kinh tế Việt Nam ở thời điểm hiện tại. Sự suy giảm trong tốc độ tăng trưởng tín dụng (dưới 1% tính từ đầu năm) phản ánh các vấn đề bao gồm nhu cầu nội địa suy yếu, một triệu chứng của những yếu kém về cơ cấu, cùng những yếu tố bên ngoài.
- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) dự báo giá thị trường tháng 8/2012 có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 7/2012. Sau 2 tháng giảm liên tiếp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2012 đang đứng trước khả năng tăng trở lại, xóa sạch hồ nghi về khả năng nền kinh tế đi vào giai đoạn giảm phát.
- Ngân hàng Nhà nước vừa có công văn chấp thuận việc điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2012 của Ngân hàng Quân đội (MB) lên tối đa 25%. Theo báo cáo KQKD, LNST sau trích lập dự phòng của MBB trong quý II đạt 723 tỷ đồng nâng lũy kế 6 tháng đạt 1.391 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ.

Sự tích cực trên chỉ số VN-Index không mang tính chất bền vững khi nó phụ thuộc nhiều vào diễn biến của 6 mã cổ phiếu vốn hóa lớn. Nếu loại trừ đi giao dịch trên cổ phiếu MBB thì phiên hôm nay thanh khoản HSX còn giảm so với phiên trước đó, đồng thời lượng dư bán giá cao thậm chí còn lớn hơn nhiều hơn nhiều so với dư mua giá thấp. Căn cứ chính vào tình trạng thiếu hụt dòng tiền tham gia cũng như thanh khoản vẫn tiếp tục giảm, chúng tôi tiếp tục cảnh báo nguy cơ xuất hiện đợt điều chỉnh giảm đang cao dần khi VN-Index tiến sát với vùng kháng cự 430 điểm, và tiếp theo sẽ là HNX-Index nếu như chỉ số này tăng lên, tiến sát tới kháng cự 72 điểm.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	70.32 ↑	0.36	0.51%
KLGD (triệu ck)	33.37 ↑	2.03	6.49%
GTGD (tỷ đồng)	297.29 ↓	-11.11	-3.60%
Tổng cung (triệu ck)	56.61 ↑	6.50	12.98%
Tổng cầu (triệu ck)	51.17 ↑	0.60	1.19%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.17 ↓	-0.63	-78.46%
KL bán (triệu ck)	0.46 ↓	-0.22	-32.19%
Giá trị mua (tỷ đồng)	2.34 ↓	-7.47	-76.14%
Giá trị bán (tỷ đồng)	6.45 ↓	-2.87	-30.80%

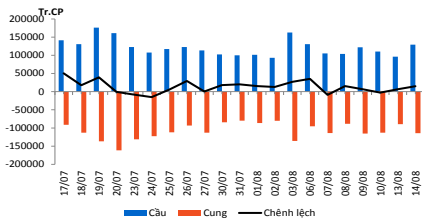
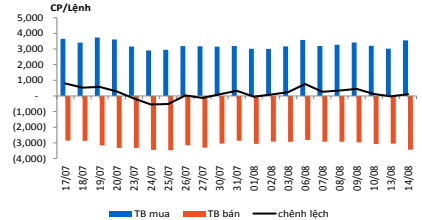
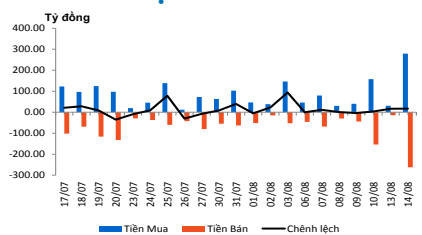


Đồ thị HNX-Index.

HNX-Index đang ở ngay giới hạn kênh xu thế giảm, không loại trừ khả năng có thể phá vỡ kênh này và tăng lên, nhưng cơ hội để phục hồi mạnh không nhiều do yếu tố thanh khoản.

Phá vỡ kênh dao động giảm, rất đơn giản chỉ cần HNX-Index tăng tiếp 1 phiên nữa, với mức tăng 1% trở lên trên chỉ số. Tuy nhiên tín hiệu này không có ý nghĩa trong trading khi HNX-Index sẽ bắt đầu tiến vào vùng kháng cự với kháng cự mạnh tại 72 điểm cùng với dải bollinger band phía trên. Khi đó trạng thái điều chỉnh có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

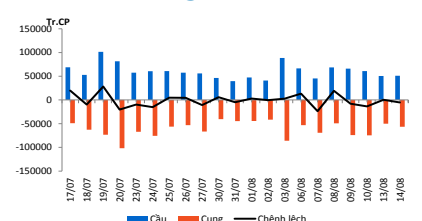
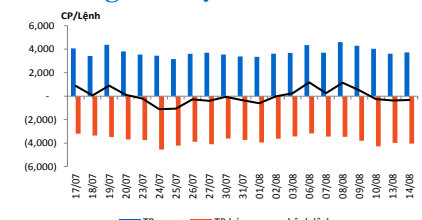
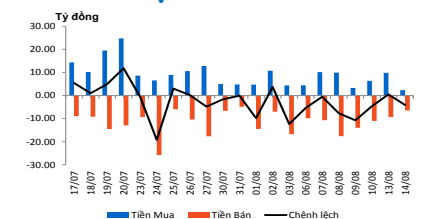
NĐT có thể quan sát thấy sự phục hồi nhẹ trên công cụ dòng tiền MFI. Về căn bản, MFI sẽ có sự dao động phụ thuộc vào thanh khoản (KLGD) trong 14 ngày gần nhất, vì thế với trạng thái thanh khoản thấp hơn 30 triệu đơn vị/phiên kéo dài nhiều tuần qua thì các dịch chuyển này của MFI không có ý nghĩa. Nói cách khác, muốn có 1 tín hiệu có ý nghĩa hiện tại thì MFI sẽ phải dịch chuyển thành 1 chu kỳ, tạo thành 1 phân kỳ hoặc hội tụ với xu hướng được kiểm chứng rõ ràng. Căn cứ chính trong giai đoạn hiện tại vẫn là KLGD của HNX, chừng nào KLGD còn thấp hơn 30 triệu đơn vị thì khi đó cơ hội phục hồi của chỉ số còn khá mong manh.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

MBB bất ngờ tăng kịch trần và giao dịch sôi động từ khi bắt đầu khớp lệnh liên tục với hàng chục triệu cổ phiếu chuyển nhượng. Trong đó, khối ngoại cũng gom vào hơn 1.7 triệu đơn vị trong vòng 30 phút đầu phiên. Đợt khớp lệnh thứ nhất, VN-Index giảm nhẹ 0.34 điểm (0.08%) đạt 425.83 điểm với sự sụt giảm của CTG, DPM, BVH, MSN, HAG... và một số mã chủ chốt khác. Giao dịch chỉ vốn vẹn hơn 500 ngàn đơn vị, trị giá trên 12.5 tỷ đồng.

Với sự tăng trần của VNM cùng hàng loạt bluechips khác trong rổ VN30 giúp VN-Index dễ dàng vượt ngưỡng 430 điểm, nhưng áp lực bán sau đó khiến đà tăng có phần thu hẹp vào cuối buổi sáng. Tuy nhiên, mức tăng của thị trường là đáng kể. VN30 cho thấy vai trò chỉ phối của mình khi tăng gần 5 điểm trong khi VNI-Index chỉ tăng 3.78 điểm, tương ứng 0.85% và tạm ngừng ở 429.81 điểm cuối buổi sáng. Kết thúc buổi sáng, HOSE có 40.74 triệu đơn vị, tương đương 829 tỷ đồng.

Khép phiên, VNI-Index tăng 3.3 điểm, tương ứng 0.77% đóng cửa tại 429.47 điểm. Thị trường ghi nhận đến gần 150 mã tăng giá, còn lại gồm 68 mã giảm và 76 mã giao dịch ở mức tham chiếu. Khối lượng giao dịch đạt 50.53 triệu đơn vị, tương ứng với gần 1,003 tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu trừ giá trị của VNM và MBB lượng giao dịch thực tế toàn sàn khoảng 500 tỷ đồng.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

15 phút đầu giờ, HNX-Index tăng nhẹ 0.03 điểm (0.07%), phần lớn các mã chủ chốt chỉ loanh quan vùng tham chiếu. Riêng VND tăng nhẹ và HBB giảm do nhà đầu tư đẩy hàng trước khi cổ phiếu này hủy niêm yết. Tổng giao dịch hai sàn khiêm tốn với hơn 2.99 triệu đơn vị, tương đương 45 tỷ đồng.

Cuối phiên sáng, HNX dù tăng điểm nhưng giao dịch vẫn khá khiêm tốn do không có mã cổ phiếu nào gây đột biến. Với khối lượng giao dịch buổi sáng đạt 20.53 triệu đơn vị, tương đương 187 tỷ đồng. Trong đó, HBB có giao dịch nhiều nhất với 3.4 triệu đơn vị, tuy nhiên giá cổ phiếu này giảm nhẹ 1.92% xuống 5,100 đồng/cp. Các mã còn lại đều có giao dịch hơn 1 triệu đơn vị gồm VND 1.5 triệu, KLS 1.4 triệu, SHB 1.2 triệu, SCR 1.2 triệu đơn vị...

Diễn biến của HNX những phút cuối phiên cũng không nhiều bất ngờ khi sự giằng co vẫn đóng vai trò chủ đạo dù kết phiên phần lợi thế đang nghiêng về bên mua, HNX-Index tăng nhẹ 0.36 điểm, tương ứng 0.51% và đóng cửa tại 70.32 điểm. Khối lượng giao dịch chỉ đạt hơn 33 triệu đơn vị, trị giá 297.3 tỷ đồng, không cải thiện nhiều so với phiên trước.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 14 cổ phiếu đứng giá, 2 mã giảm giá và 12 mã tăng giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVR (tăng 3,85%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,54% và tổng khối lượng giao dịch đạt 4,565 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 14/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,500.0	-	0.00	0.48	14.86	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,200.0	-	0.00	0.31	29.09	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đồng Đô	4,200.0	193,800	-2.33	0.25	0.41	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,500.0	387,200	0.00	1.68	1.36	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,100.0	12,900	1.11	0.84	5.76	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,200.0	9,700	1.96	0.51	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,600.0	21,519	0.00	0.87	2.18	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,700.0	38,200	0.00	1.87	4.89	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,900.0	70,800	0.00	0.70	7.84	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,400.0	1,322	0.00	0.70	8.28	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,400.0	100	3.85	0.52	2.54	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,400.0	346,350	0.00	1.30	4.12	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,500.0	1,330,665	1.19	0.37	3.20	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,200.0	65,220	0.26	3.16	12.56	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,400.0	238,000	0.27	2.24	6.04	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,600.0	12,860	1.14	1.22	3.24	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,000.0	19,620	0.00	0.60	5.11	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,100.0	104,850	0.83	0.69	2.98	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38,200.0	243,720	0.53	1.87	5.40	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,300.0	60,870	0.00	0.42	3.33	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,900.0	141,250	-0.29	1.14	6.66	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,100.0	645,480	0.83	1.06	15.32	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,200.0	531,270	1.96	0.53	47.27	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,000.0	13,150	0.00	0.58	4.00	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,700.0	26,920	0.00	0.43	2.45	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,600.0	49,140	0.00	0.80	3.18	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,600.0	140	3.70	0.51	3.68	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
MBB	14,300	14,700	2.80	337,801,493
VNM	106,000	111,000	4.72	258,168,970
SSI	20,800	21,100	1.44	18,311,372
VCB	27,700	28,100	1.44	11,869,231
FPT	46,500	46,300	-0.43	12,277,144

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
HBB	5,200	5,100	-1.92	37,998
VND	11,200	11,200	0.00	28,968
SCR	9,500	9,400	-1.05	26,281
KLS	10,200	10,300	0.98	25,152
SVN	41,800	41,800	0.00	24,433

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,500	1,600	100	6.67
FCN	18,400	19,300	900	4.89
SVI	22,500	23,600	1,100	4.89
HVG	35,700	37,400	1,700	4.76
VNM	106,000	111,000	5,000	4.72

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
BKC	10,400	11,100	700	6.73
SQC	75,000	80,000	5,000	6.67
DAE	9,200	9,800	600	6.52
CVN	9,300	9,900	600	6.45
HTP	4,700	5,000	300	6.38

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
LGC	22,000	20,900	-1,100	-5.00
BSI	6,000	5,700	-300	-5.00
DXV	6,000	5,700	-300	-5.00
DHC	6,100	5,800	-300	-4.92
HOT	26,900	25,600	-1,300	-4.83

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
V11	1,100	1,000	-100	-9.09
VIT	4,300	4,000	-300	-6.98
MIH	11,700	10,900	-800	-6.84
ILC	5,900	5,500	-400	-6.78
HHG	3,100	2,900	-200	-6.45

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	226,701	VNM	226,254
MBB	25,862	CTG	4,463
VIC	5,837	SSC	4,102
GAS	2,466	PGD	3,249
VCB	2,279	FPT	2,648

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DXP	531	PVS	1,457
THT	397	AAA	1,028
DBC	197	VNR	871
SED	149	PLC	622
SD7	142	SDT	615

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339